

Bản án số: 733/2022/HC-PT

Ngày: 06-9-2022

V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính trong quản lý Nhà
nước về đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 49/2022/TLHC-PT ngày 14 tháng 2 năm 2022 về việc “khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2021/HC-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1475/2022/QĐ-PT ngày 26/7/2022 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Đặng Thị G, sinh năm 1962; Cư trú tại: Số 7, hẻm 13, Đường T8, Khu phố 3, Phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trung C, chức vụ: Chủ tịch (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố T: Ông Lương Bá C – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; ông Nguyễn Thanh H và ông Trần Ngọc L, Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T (vắng mặt);

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của UBND tỉnh Tây Ninh: Ông Nguyễn Thanh N – chức vụ: Chủ tịch (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

3.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh: Ông Võ Trần Q – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; ông Lương Nguyễn Đăng D – Phó giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh; ông Nguyễn Bảo C – Trưởng phòng đăng ký và cấp giấy chứng nhận thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh; ông Nguyễn Hữu T – Viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh (vắng mặt).

3.3. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trung C, chức vụ: Chủ tịch (có văn bản đề nghị vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố T: Ông Lương Bá C – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; ông Nguyễn Thanh H và ông Trần Ngọc L, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T (vắng mặt).

3.4. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1952; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1946; địa chỉ: Số 59 (Số cũ 55), đường A, Khu phố 3, Phường 2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (ông H vắng mặt, Bà Đ có mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông H, Bà Đ: ông Võ Văn S, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố 3, phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3.5. NLQ1, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố 3, Phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.6. NLQ2, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.7. NLQ3, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố 3, Phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.8. NLQ4, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố 3, Phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.9. NLQ5, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố 3, Phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Hồ, bà Lua, bà Ánh, bà Nhung, bà Son: Bà Đặng Thị G, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 7, hẻm 13, Đường T8, Khu phố 3, Phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 23/01/2019) (Có mặt)

3.10. Bà Lê Hồng Tuyết S, sinh năm 1976; địa chỉ: Hẻm 13, Đường T8, Khu phố 3, Phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

4. *Người kháng cáo, kháng nghị*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Đ kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm và Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và lời khai của các bên tham gia vụ kiện tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Quyết định số 1533/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 1533) ngày 16/8/2010 và Quyết định số 2381/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 2381) ngày 20/12/2010 của Chủ tịch UBND (UBND) tỉnh Tây Ninh công nhận phần đất tranh chấp 28,4 m² thuộc thửa 181 tờ bản đồ 75 tại Khu phố 3, Phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh cho Bà Trần Thị Đ; buộc gia đình ông Đặng Minh H3 giao diện tích lấn chiếm là 6,3 m² theo đúng Trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T. Ngày 13/6/2012, Chủ tịch UBND thị xã T ban hành Quyết định số 403/QĐ-UBND về việc cưỡng chế buộc gia đình bà phải giao lại phần đất diện tích 6,3 m² theo Quyết định 1533 và Quyết định 2381. Ngày 28/8/2012, Đoàn cưỡng chế thị xã T tiến hành cưỡng chế xong việc buộc gia đình bà phải giao 6,3 m² đất cho Bà Đ thể hiện tại Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cưỡng chế và đánh giá rút kinh nghiệm của Đoàn cưỡng chế ngày 13/9/2012.

Ngày 11/01/2019, Chủ tịch UBND thành phố T tiếp tục ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND (Sau đây gọi tắt là Quyết định 47), buộc gia đình bà tháo dỡ công trình kiến trúc, tường rào, mái che, trong phạm vi diện tích 6,3 m² tại Trích lục bản đồ 305 cho Bà Đ. Quyết định này là quyết định trái pháp luật, ảnh hưởng xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của bà bởi:

Thứ nhất: Tại báo cáo 16/BC-ĐCC ngày 13/9/2012 về kết quả thực hiện nhiệm vụ cưỡng chế và đánh giá rút kinh nghiệm của Đoàn cưỡng chế có thông qua nội dung “Đoàn cưỡng chế đã bàn giao cho Bà Trần Thị Đ diện tích 21,1 m² đất trống và diện tích 6,3 m² Bà Trần Thị Đ đã tổ chức cho công nhân cắm trụ ranh bê tông xi măng, xây gạch chân tường rào cao 0,5 m phía giáp ranh với đất ông Đặng Minh H3”. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định UBND thành phố T đã thực hiện và hoàn tất việc cưỡng chế buộc gia đình bà phải giao 6,3 m² đất từ năm 2012. Quyết định 1533 và Quyết định 2381 là 02 quyết định hành chính nên chỉ được áp dụng 01 lần đối với 01 đối tượng cụ thể theo Khoản 1, Điều 3 Luật tổ tụng hành chính. Hai quyết định này đã được thi hành xong nên được coi là đã hết hiệu lực pháp luật nhưng Quyết định số 47 ngày 11/01/2019 lại tiếp tục cưỡng chế thi hành Quyết định 1533 và 2381 là hoàn toàn không đúng pháp luật.

Thứ hai: Nội dung Quyết định 47 mâu thuẫn với nội dung UBND thành phố vận động bà giao đất. Căn cứ khoản 2, Điều 4 Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tây Ninh: “Trước khi tổ chức cưỡng chế phải thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục và thuyết phục các bên tranh chấp, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tự nguyện, tự giác chấp hành quyết định đã có hiệu lực

pháp luật”. Ngày 14/8/2018 UBND thành phố T đã tiếp xúc với hộ gia đình bà đề vận động bà giao lại phần đất diện tích 4,2 m² cho Bà Đ theo quyết định 1533 và 2381. Ngày 23/12/2018 UBND thành phố T tiếp tục vận động gia đình bà giao thêm phần đất diện tích 1,6 m² cho Bà Đ. Nhưng nội dung Quyết định 47 lại cưỡng chế buộc gia đình bà phải giao 6,3 m² cho Bà Đ là mâu thuẫn, không phù hợp với nội dung UBND thành phố T đã vận động bà.

Các quyết định trên đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của gia đình bà. Do đó bà khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T.

- Người bị kiện: Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T thể hiện:

Ngày 16/8/2010, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định 1533/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa Bà Trần Thị Đ với gia đình ông Đặng Minh H3. Các quyết định này công nhận phần đất tranh chấp diện tích 28,4 m² thuộc quyền sử dụng của vợ chồng Bà Trần Thị Đ. Đất tranh chấp với gia đình ông Đặng Minh H3 thuộc thửa 181, tờ bản đồ 75 theo trích lục bản đồ địa chính số 305 ngày 27/11/2009 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T.

Ngày 20/12/2010, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định 2381 về việc bổ sung quyết định 1533 ngày 16/8/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh. Kết quả giải quyết: Công nhận cho vợ chồng Bà Trần Thị Đ được quyền sử dụng diện tích 28,4 m² đất tranh chấp thuộc thửa 181, tờ bản đồ 75 theo đúng trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T. Buộc gia đình ông Đặng Minh H3 (người đang trực tiếp sử dụng đất) và ông Mai Thành P có trách nhiệm giao lại diện tích lấn chiếm theo đúng trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27-11-2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T. Các nội dung khác của Quyết định 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên.

Hai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật giao Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố T) tổ chức cưỡng chế đối với hộ Bà Đặng Thị G (đại diện cho hộ gia đình ông Đặng Minh H3) để thực hiện quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh. Đoàn cưỡng chế bàn giao đất nhưng Bà Trần Thị Đ không đồng ý nhận ranh đất vì cho rằng UBND thị xã T chưa thực hiện đầy đủ quyết định của UBND tỉnh.

UBND thành phố T kiểm tra lại diện tích đất đã cưỡng chế giao năm 2012, kết quả còn một phần diện tích nằm trong phạm vi tranh chấp 28,4m² đã giải quyết tại Quyết định 2381 ngày 20/12/2010 của UBND tỉnh nhưng chưa giao cho Bà Trần Thị Đ, lý do: Năm 2012 cưỡng chế nhưng giao chưa đủ diện tích đất cho Bà Đ. Do đó phải tiếp tục giao phần diện tích đất còn lại cho Bà Trần Thị Đ là đúng.

Qua vận động, thuyết phục gia đình ông Đặng Minh H3 tự nguyện giao phần diện tích đất còn thiếu cho Bà Trần Thị Đ nhưng không thành. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 cưỡng

chế thi hành Quyết định 1533 và 2381 của Chủ tịch UBND tỉnh về giải quyết tranh chấp đất đai với gia đình Bà Đặng Thị G.

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 47 là có cơ sở nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Bà G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Do có khiếu nại về việc giao đất cưỡng chế không đúng của Bà Trần Thị Đ, nên Chủ tịch UBND thành phố T tiếp tục xem xét giải quyết. Qua 02 lần đo đạc, kiểm tra vào ngày 22/02/2017 và ngày 21/3/2017 đối với phần diện tích mà Đoàn cưỡng chế đã thực hiện năm 2012 thể hiện diện tích thực tế đã cưỡng chế thiếu diện tích 1,6m² và phần diện tích bị thiếu thuộc diện tích 6,3m² vị trí đất mà gia đình ông Đặng Minh H3 phải giao. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố T chấp nhận khiếu nại của Bà Đ, ban hành Quyết định số 47 tiếp tục cưỡng chế thực hiện Quyết định 1533 và 2381 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh:

UBND tỉnh có Công văn số 2540/UBND-TD ngày 30/7/2021, Chủ tịch UBND tỉnh có Công văn số 2541/UBND-TD ngày 30/7/2021, nội dung giữ nguyên các Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 25/5/2006; Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010; Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh trình bày:

Chủ tịch UBND tỉnh đã có công văn ghi ý kiến về vụ kiện, giữ nguyên Quyết định số 1533/QĐ-UBND và Quyết định số 2381/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh; hai Quyết định này ban hành đúng quy định của pháp luật.

+ Bà Trần Thị Đ trình bày:

Việc tranh chấp đất giữa gia đình bà với gia đình ông Đặng Minh H3 đã được Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết theo Quyết định số 1533/QĐ-UBND, Quyết định số 2381/QĐ-UBND và được Chủ tịch UBND thị xã T tiến hành cưỡng chế. Ngày 28/8/2012, Đoàn cưỡng chế của Chủ tịch UBND thị xã T đã đến khu đất tiến hành cưỡng chế gia đình ông H3 giao đất cho bà theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh. Đoàn cưỡng chế yêu cầu bà cấm trụ xi măng ở vị trí nào thì bà cấm trụ xi măng tại vị trí đó, đoàn cưỡng chế bàn giao đất cho Bà Đ nhưng Bà Đ không đồng ý nhận vì đoàn cưỡng chế không giao đủ diện tích cho Bà Đ là ngang 6m, dài 20m.

+ Bà Lê Hồng Tuyết S trình bày:

Bà S mua căn nhà của bà Lê Hồng Thùy D vào năm 2020 và ở cho đến nay, lối đi ra là con đường nằm trên đất Bà Đ tranh chấp với Bà G. Nguồn gốc căn nhà này là của bà Đặng Thị Kim C1 bán cho bà Lê Hồng Thùy D ngày 21/10/2017, bà C1 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004, Bà S yêu cầu giải quyết

như thế nào đó để Bà S có con đường đi từ nhà Bà S ra lộ vì Bà S không có con đường nào khác để đi.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 13/2021/HC-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Đặng Thị G.
- Tuyên hủy các Quyết định hành chính sau đây:
- Quyết định số 143/QĐ-UB ngày 21/4/1988 của UBND thị xã T, tỉnh Tây Ninh.
 - Quyết định số 370/QĐ-UB ngày 18/12/1992 của UBND thị xã T, tỉnh Tây Ninh.
 - Quyết định số 89/QĐ-CT ngày 12/8/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.
 - Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 26/5/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.
 - Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.
 - Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.
 - Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.
 - Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 13/6/2012 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Tây Ninh.
 - Biên bản bàn giao đất sau khi thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai ngày 28/8/2012.
 - Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/11/2021, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị sửa Bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Đ giữ nguyên kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần nội dung Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Văn H là ông Võ Văn S trình bày: Chủ tịch UBND thành phố T ban hành các quyết định là đúng

trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà G, giữ nguyên các Quyết định có hiệu lực đã ban hành.

Người khởi kiện Bà Đặng Thị G trình bày: UBND các cấp tỉnh Tây Ninh đã ban hành các Quyết định trái quy định pháp luật. Vụ việc tranh chấp đất giữa gia đình tôi và Bà Trần Thị Đ đã kéo dài hơn 30 năm, việc ban hành các Quyết định sai lầm nghiêm trọng đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của gia đình tôi; để lại hậu quả gia đình tôi phải gánh chịu nỗi oan ức, bức xúc, tổn hại về danh dự uy tín trong hơn 30 năm qua. Như các lập luận tôi đã trình bày trong bản trình bày ý kiến đối với kháng cáo của Bà Đ và ông H, có đầy đủ căn cứ để khẳng định rằng các Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa tôi và Bà Đ trái pháp luật bị hủy bỏ là hoàn toàn đúng đắn. Kháng cáo của Bà Đ, kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, bác kháng cáo của Bà Trần Thị Đ, giữ nguyên toàn bộ Bản án sơ thẩm, tuyên hủy Quyết định số 47 của UBND thành phố T và các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trái pháp luật có liên quan.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Các quyết định của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cần phải hủy bỏ các quyết định trên là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Bà Đặng Thị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Đ, kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Tây Ninh và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc có người đại diện theo ủy quyền. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo, kháng nghị:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Nguồn gốc đất tranh chấp giữa Bà Trần Thị Đ (vợ ông Nguyễn Văn H) với ông Đặng Minh H3 (cha của Bà Đặng Thị G), trước giải phóng là của ông Đặng Văn C2, diện tích khoảng 0,5 ha, không có giấy tờ, bằng khoán. Sau khi ông C2 chết, ông K là cháu của ông C2 sử dụng, ông K chết, các con cháu ông K tự cất nhà sử dụng trên đất này như ông Đặng Văn H1, ông Đặng Văn T1, bà D1, ông S1, ông Đặng Minh H3...

Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn H, Bà Trần Thị Đ:

Vào năm 1981, ông Đặng Văn T1 71 tuổi, nhà số 30A4, ấp R, phường I, thị xã T có bán cho ông Nguyễn Văn H 01 căn nhà lá với số tiền là 600 đồng, chiều ngang 5 m, chiều dài 19 m; có lập một "Giấy bán 01 căn nhà lá" ngày 24/8/1981.

Vào năm 1986, ông Đặng Văn H1 (80 tuổi) ngụ tổ 9, ấp R, phường I, thị xã T có sang nhượng lại cho ông Nguyễn Văn H phần đất, trên đất có căn nhà ông H đang ở là phần đất của ông H1. Phần đất dài 20 m, ngang 6 m. Đông giáp đường lộ hẻm, Tây giáp đất ông Đặng Văn T1, Nam giáp nhà ông Đặng Thành P1, Bắc giáp nhà ông Bảy T2.

Việc sang nhượng trên có lập tờ "Đơn nhượng đất ở vĩnh viễn" vào ngày 10/01/1986, có xác nhận của Ban Quản lý ấp ngày 15/01/1986, xác nhận của UBND Phường 1 ngày 17/01/1986, xác nhận của Phòng Quản lý nhà đất thị xã ngày 18/01/1986.

Sau đó, ông H, Bà Đ làm "Đơn xin hợp thức hóa nhà đất", được Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất ngày 23/6/1987, số 102/CNSH. Đặc điểm nhà: nhà trệt, vách đất, mái lá, diện tích 48 m². Diện tích đất sử dụng 120m², gồm diện tích đất đã xây cất nhà: 48m², diện tích đất sân vườn: 72m².

Ngày 04/8/1990, ông Nguyễn Văn H được UBND thị xã T cấp 01 Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng, đất có số 114/ĐKRĐ, diện tích 120 m².

Đất của ông Đặng Minh H3 (cha của Bà Đặng Thị G):

Ngày 04/8/1990, ông Đặng Minh H3 được UBND thị xã T cấp 01 Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng, đất có số 129/ĐKRĐ, diện tích 469 m².

Ngày 04/5/2005, ông Đặng Minh H3 được UBND thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có số phát hành: AC 199228, số vào sổ: H 00270/P1, diện tích đất 428,1 m², thửa số 162, tờ bản đồ số 75.

Theo Bản tường trình ngày 13/6/1987, ông Nguyễn Văn H cho rằng vì nhà cửa chật hẹp nên ông có ý định khởi công dựng thêm lán mái trong phạm vi đất đai của mình để sử dụng thì bà K2 vợ ông Đặng Văn H1 đã to tiếng ngăn cản với ông H, đồng thời đó ông Đặng Minh H3 nói rằng phần đất này là của ông H3. Từ đó, các bên tranh chấp đất với nhau.

[2.2] Quá trình UBND giải quyết tranh chấp đất đai giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Đ với ông Đặng Minh H3:

1. Ngày 21/4/1988, UBND thị xã T ban hành Quyết định số 143/QĐ-UB về việc giải quyết tranh chấp đất thổ cư giữa ông Đặng Minh H3 và Bà Trần Thị Đ có nội dung: Bà Trần Thị Đ được quyền sử dụng phần đất tranh chấp 25 m², là phần đất trước nhà, theo giấy đã sang nhượng của vợ chồng ông H1, bà K2 ngày 10/01/1986 được UBND Phường I chứng nhận.

Các bên khiếu nại Quyết định số 143/QĐ-UB.

2. Ngày 18/12/1992, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 370/QĐ-UB về việc giải quyết tranh chấp đất thổ cư giữa ông Đặng Minh H3 với Bà Trần Thị Đ. Nội dung: Công nhận Quyết định số 143/QĐ-UB ngày 21/4/1988 của UBND thị xã T về việc giải quyết tranh chấp đất thổ cư giữa ông Đặng Minh H3 và Bà Trần Thị Đ là đúng pháp luật.

Ông Đặng Minh H3, Bà Trần Thị Đ tiếp tục khiếu nại Quyết định số 370/QĐ-UB.

3. Ngày 12/8/2002, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 89/QĐ-CT về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Minh H3 với Bà Trần Thị Đ. Nội dung như sau:

- Thu hồi Quyết định số 143/QĐ-UB ngày 21/4/1988 của UBND thị xã T; Quyết định số 370/QĐ-UB ngày 18/12/1992 của UBND tỉnh Tây Ninh.

Lý do: Hai Quyết định nêu trên chưa chuẩn xác.

- Giữ nguyên hiện trạng diện tích 35,5 m² thuộc thửa số 141, tờ bản đồ số 57, Phường 1, thị xã T và diện tích 15,8 m² (7,9m x 2m) thuộc hai thửa 126-127 và 4 m² (bốn mét vuông) thuộc thửa 139 tờ bản đồ số 57 để làm đường đi công cộng.

(Diện tích còn lại của thửa 139 tờ bản đồ số 57 là 70,4 m² vẫn thuộc quyền sử dụng của Bà Đ và ông H3).

- Hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số 102/CNSH ngày 23/6/1987 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Văn H và giấy chứng nhận đăng ký ruộng đất số 114/ĐKRĐ ngày 04/8/1990 của UBND thị xã cấp cho ông Nguyễn Văn H.

Lý do: 02 giấy trên không chuẩn xác.

- Bác đơn khiếu nại tranh chấp đất của Bà Trần Thị Đ với ông Đặng Minh H3.

Lý do: Việc khiếu nại của Bà Đ thiếu cơ sở pháp lý.

- Bác đơn khiếu nại tranh chấp đất của ông Đặng Minh H3 với Bà Trần Thị Đ.

Lý do: Ông H3 không có chứng cứ để chứng minh là có quyền sử dụng phần đất tranh chấp với Bà Đ.

Quyết định này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bà Trần Thị Đ khiếu nại Quyết định số 89/QĐ-CT.

4. Ngày 26/5/2006, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 35/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của Bà Trần Thị Đ. Nội dung:

Nay thu hồi Quyết định số 89/QĐ-CT ngày 12/8/2002 của UBND tỉnh Tây Ninh.

Giữ nguyên quyết định số 370/QĐ-UB ngày 18/12/1992 của UBND tỉnh về việc: Công nhận Quyết định số 143/QĐ-UB ngày 21/4/1988 của UBND thị xã T là đúng pháp luật; Công nhận phần đất có diện tích 25 m² thuộc quyền sử dụng của vợ chồng Bà Trần Thị Đ.

Quyết định này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng của UBND tỉnh Tây Ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bà Trần Thị Đ khiếu nại Quyết định số 35/QĐ-UBND.

5. Ngày 31/12/2008, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 3096/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của Bà Trần Thị Đ. Nội dung:

Nay điều chỉnh lại Điều 1 Quyết định số: 370/QĐ-UB ngày 18/12/1992; Quyết định số: 35/QĐ-UBND ngày 25/5/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

Công nhận phần đất tranh chấp diện tích 30,25 m² thuộc quyền sử dụng của Bà Trần Thị Đ. Tờ bản đồ như sau:

- + Đông giáp: đường hẻm, dài 5,5m;
- + Tây giáp: đất còn lại của Bà Trần Thị Đ, dài 5,5m;
- + Nam giáp: nhà ông Mai Thành P, dài 5,5m;
- + Bắc giáp: đất ông Đặng Minh H3, dài 5,5m.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bà Trần Thị Đ khiếu nại Quyết định số 3096/QĐ-UBND.

6. Ngày 16/8/2010, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 1533/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất giữa Bà Trần Thị Đ với gia đình ông Đặng Minh H3. Nội dung:

Nay điều chỉnh, bổ sung một phần Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 25/5/2006; Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh như sau:

Công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng Bà Trần Thị Đ, diện tích 28,4 m². Đất tranh chấp với gia đình ông Đặng Minh H3 thuộc thửa số 181, tờ bản đồ số 75, theo đúng Trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 25/9/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T.

Quyết định này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng của UBND tỉnh Tây Ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

7. Ngày 20/12/2010, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 2381/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh. Nội dung:

Nay điều chỉnh, bổ sung một phần Điều 1, Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

Công nhận cho vợ chồng Bà Trần Thị Đ được quyền sử dụng diện tích 28,4 m² đất tranh chấp thuộc thửa số 181, tờ bản đồ số 75, theo đúng Trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 25/9/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T.

Buộc gia đình ông Đặng Minh H3 (người đang trực tiếp sử dụng đất) và ông Mai Thành P có trách nhiệm giao lại diện tích đất lấn chiếm theo đúng Trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 25/9/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T cho vợ chồng Bà Trần Thị Đ.

Các nội dung khác của Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên.

8. Ngày 13/6/2012, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 403/QĐ-UBND về áp dụng biện pháp cưỡng chế để thực hiện Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh. Nội dung:

Áp dụng biện pháp cưỡng chế buộc giao trả lại phần đất có diện tích 6,3 m² theo Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh (có Trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T). Đối với ông (bà): Bà Đặng Thị G và các đồng thừa kế của ông Đặng Minh H3 (do chưa có ủy quyền đại diện của các đồng thừa kế).

Lý do bị cưỡng chế: Không chấp hành thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của UBND tỉnh.

Các biện pháp cưỡng chế phải thực hiện: buộc phá bỏ cây trái, vật kiến trúc trong phạm vi 6,3 m² và buộc giao trả đất.

9. Ngày 28/8/2012, Đoàn cưỡng chế đã thực hiện cưỡng chế, bàn giao cho Bà Trần Thị Đ diện tích đất 21,1 m² (đất trống) và diện tích 6,3 m², Bà Trần Thị Đ đã tổ chức cho công nhân cắm trụ ranh bê tông xi măng, xây gạch chân tường rào cao 0,5 m phía giáp ranh với đất ông Đặng Minh H3.

Bà Trần Thị Đ không đồng ý với Đoàn cưỡng chế vì giao đất không đúng diện tích đất ngang 6m, dài 20m, tiếp tục có đơn khiếu nại.

10. Ngày 11/01/2019, Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND về cưỡng chế thi hành Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về giải quyết tranh chấp đất đai đối với gia đình Bà Đặng Thị G. Nội dung: Cưỡng chế thi hành Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh đối với: Bà Đặng Thị G và các đồng thừa kế của ông Đặng Minh H3.

Lý do áp dụng: Gia đình Bà Đặng Thị G phải chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhưng không tự nguyện thi hành.

Biện pháp cưỡng chế gồm: Buộc gia đình Bà Đặng Thị G tháo dỡ công trình kiến trúc, tường rào, mái che trong phạm vi diện tích 6,3 m² đất theo đúng Trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T để giao lại diện tích đất cho vợ chồng Bà Trần Thị Đ.

[2.3] Xét thấy, Vào ngày 01/7/2004, Luật đất đai năm 2003 có hiệu lực thi hành. Và theo quy định mới tại Khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai 2003 thì “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất mà đương sự có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết*”.

Ông H và Bà Đ đã được Sở xây dựng tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất ngày 23/6/1987, theo “Đơn xin hợp thức hóa nhà đất” sau khi mua 01 căn nhà lá của ông Đặng Văn T1 vào năm 1981 và nhận chuyển nhượng đất của ông Đặng Văn H1 vào năm 1986.

Năm 1990, UBND thị xã T đã cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng, đất số 114/ĐKRĐ, diện tích 120 m² cho ông H và Giấy chứng nhận đăng ký ruộng, đất số 129/ĐKRĐ, diện tích 469 m² cho ông H3.

(Các loại giấy tờ trên là các loại giấy tờ theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 50 Luật đất đai 2003).

Ngày 04/5/2005, ông Đặng Minh H3 đã được UBND tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC199228, số vào sổ H00270/P1, diện tích đất 428,1 m², thửa số 162, tờ bản đồ số 75.

Như vậy, Đến thời điểm năm 2006 (là thời điểm Luật đất đai 2003 đã có hiệu lực thi hành), sự việc tranh chấp giữa Bà Trần Thị Đ và ông Đặng Minh H3 đã có đầy đủ các giấy tờ để áp dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 136, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tuy nhiên, ngày 26/5/2006, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh lại ban hành Quyết định số 35/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của Bà Trần Thị Đ có nội dung tiếp tục giải quyết tranh chấp đất đai của Bà Đ với ông H3 là không đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1, Điều 136 Luật đất đai 2003.

Mặt khác, ngày 13/6/2012, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 403/QĐ-UBND về áp dụng biện pháp cưỡng chế để thực hiện Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh. Nội dung: Các biện pháp cưỡng chế phải thực hiện: buộc phá bỏ cây trái, vật kiến trúc trong phạm vi 6,3 m² và buộc giao trả đất.

Tại Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND thành phố T ghi rõ biện pháp cưỡng chế gồm: Buộc gia đình Bà Đặng Thị G tháo dỡ công trình kiến trúc, tường rào, mái che trong phạm vi diện tích 6,3 m² đất theo đúng Trích lục

bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T để giao lại diện tích đất cho vợ chồng Bà Trần Thị Đ.

Qua đó thể hiện trên đất có cây trái, công trình kiến trúc, tường rào, mái che là tài sản trên đất nên việc tranh chấp đất đai này phải do Tòa án giải quyết. Đúng ra, cơ quan có thẩm quyền phải hướng dẫn khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất) thì mới giải quyết triệt để toàn diện vụ án. Mà cụ thể ở đây là năm 2006, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh thay vì tiếp tục ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông H, Bà Đ với gia đình ông H3 thì khi thấy các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trước đó không đúng với quy định của pháp luật, cần ban hành Quyết định thu hồi, hủy bỏ và hướng dẫn các bên khởi kiện vụ án dân sự ra Tòa án để giải quyết theo thẩm quyền.

[2.4] Ngoài ra, tại báo cáo việc vướng mắc về tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 52/BC-TT ngày 15/9/2010 của Thanh tra thị xã T (Bút lục số 78) xác định Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của UBND tỉnh Tây Ninh có vướng mắc sau:

...“Trong diện tích 28,4 m² công nhận quyền sử dụng của vợ chồng Bà Trần Thị Đ có 01 m² do ông Mai Thành P đang sử dụng, phần diện tích này Thanh tra Thị xã không thể tổ chức thực hiện do nội dung phần quyết định không đề cập đến; Quyết định không yêu cầu ông Mai Thành P thực hiện và cũng không tổng đạt cho ông P.”

Tại biên bản họp xin ý kiến tháo gỡ vướng mắc trong giải quyết khiếu nại của Bà Trần Thị Đ số 106/BB-UBND ngày 27/12/2016 của UBND thành phố T thể hiện nội dung: giao trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố chủ trì, phối hợp với UBND phường 1 tiến hành các bước sau:

“Mời ông Mai Thành P lên làm việc, vận động, thuyết phục tự nguyện giao trả lại phần đất dọc ranh đất cho Bà Trần Thị Đ.”...

Như vậy, trong diện tích 28,4 m² đất mà các quyết định của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành và cưỡng chế thực hiện còn có 01 m² do ông Mai Thành P đang quản lý sử dụng nhưng không đưa ông P vào giải quyết mà buộc Bà G giao trả cho Bà Đ là không đúng.

Do giải quyết tranh chấp đất đai không đúng thẩm quyền, nội dung còn chưa chính xác nên các quyết định đã ban hành gồm: Quyết định số 35/QĐ-UBND, Quyết định số 3096/QĐ-UBND, Quyết định số 1533/QĐ-UBND, Quyết định số 2381/QĐ-UBND, Quyết định số 403/QĐ-UBND, Quyết định số 47/QĐ-UBND không có hiệu lực thi hành nên phải hủy bỏ.

Quyết định số 403/QĐ-UBND bị hủy bỏ nên Biên bản bàn giao đất sau khi thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai ngày 28/8/2012 cũng bị hủy bỏ.

Các Quyết định số 143/QĐ-UB của UBND thị xã T về việc giải quyết tranh chấp đất thổ cư giữa ông Đặng Minh H3 và Bà Trần Thị Đ, Quyết định số 370/QĐ-

UB ngày 18/12/1992 và Quyết định số 89/QĐ-CT ngày 12/8/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết tranh chấp đất thổ cư giữa ông Đặng Minh H3 với Bà Trần Thị Đ là đúng thẩm quyền nhưng các bên tranh chấp tiếp tục khiếu nại. Quyết định số 143 ghi: "Bà Trần Thị Đ được quyền sử dụng phần đất tranh chấp 25 m², là phần đất trước nhà, theo giấy đã sang nhượng của vợ chồng ông H1, bà K2 ngày 10/01/1986 được UBND phường I chứng nhận", quyết định ghi không rõ ràng, không có tứ cận diện tích 25 m², còn diện tích nhà là bao nhiêu? Tại Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 26/5/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh đã xác định các quyết định trên là có sai sót nên Tòa án phải hủy các quyết định này. Gia đình Bà Trần Thị Đ và gia đình Bà Đặng Thị G cần khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất), Bà Lê Hồng Tuyết S nếu có yêu cầu về lỗi đi sẽ được đưa vào vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Như vậy, vụ án mới được giải quyết triệt để, toàn diện.

Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Đặng Thị G là có căn cứ, đúng với các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Đ kháng cáo và Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị nhưng không cung cấp những tài liệu, chứng cứ gì mới để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Trần Thị Đ và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do có kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh nên không thuộc các trường hợp phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Đ kháng cáo nhưng do thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Đ và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 13/2021/HC-ST ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 136 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Đặng Thị G. Tuyên hủy các Quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định số 143/QĐ-UB ngày 21/4/1988 của UBND thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 370/QĐ-UB ngày 18/12/1992 của UBND thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 89/QĐ-CT ngày 12/8/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 26/5/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 13/6/2012 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

- Biên bản bàn giao đất sau khi thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai ngày 28/8/2012.

- Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc trường hợp người cao tuổi nên không phải chịu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tây Ninh (2);
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự (12)
- Lưu: HSV A (2), VP (5), 25b (NVC).

Lê Văn An